

Số/ No.: VLAB0-260701-002/1

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 1/8

Tên khách hàng/ Company⁽¹⁾:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ/ Address⁽¹⁾:

Số 216 Nguyễn Văn Linh, Khu phố Tân Phú 1, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: 01/07/2026

Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 01/07/2026 đến 17/07/2026

Tên mẫu/ Sample Name⁽¹⁾:

1. Tên Mẫu : Nước sau xử lý - Nhà máy Phước Long
2. Vị trí lấy mẫu: - Bể chứa nước sạch - Đồi 230, KP Thác Mơ 5, P. Phước Long, TP Đồng Nai
3. Thời gian lấy mẫu: 29/6/2026
4. Người lấy mẫu: Trương Xuân Sơn
5. Clo: 0.66 mg/l
6. pH: 6.82

Mô tả mẫu/ Sample description:

Mẫu chứa trong can nhựa/ Sample in plastic cans + Mẫu đựng trong chai thủy tinh/ Samples in glass bottles

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp/ ⁽¹⁾ Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

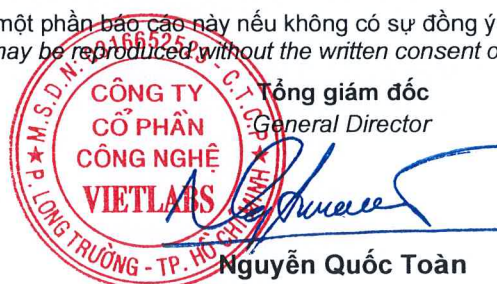
Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory



Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/1

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 2/8

Kết quả/ result

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(®)
1.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
5.	Mùi/Odor	TCVN 2653:1978(s)	-	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ
6.	pH/pH Value	TCVN 6492: 2011(a)	-	7,23	-	6,0-8,5
7.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	TCVN 6186:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,5	2
8.	Hàm lượng Nitrit/Nitrite content	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
9.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
10.	Độ cứng/Hardness	SMEWW 2340C:2023(a)	mgCaCO ₃ /l	12,8	-	300
11.	Độ đục/Turbidity	SMEWW 2130B:2023(a)	NTU	KPH/ND	0,5	2
12.	Độ màu/Color	SMEWW 2120 C:2023(a)	TCU	KPH/ND	6	15
13.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	40	-	1000

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Cần Thơ Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bạc Liêu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/1

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 3/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(%)
14.	Hàm lượng Nitơ amoniac /Nitrogen ammonia content(##)	SMEWW 4500-NH3-C:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1
15.	Hàm lượng Clorua/Chloride content	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	10,9	-	250 (hoặc 300)
16.	Hàm lượng Clo dư/Free chlorine content	SMEWW 4500-Cl2-B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	0,2 - 1,0
17.	Hàm lượng sunphat (SO ₄ ²⁻)/Sulfate content	SMEWW 2- 4500 (SO ₄) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
18.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	2	-	200
19.	Hàm lượng Crom (Cr)/Chromium (Cr) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
20.	Hàm lượng Boron (B)/Boron (B) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,006	2,4
21.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
22.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
23.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
24.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
25.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
26.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
27.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
28.	Hàm lượng Selen (Se)/Selenium (Se) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
29.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/ No.: VLAB0-260701-002/1

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 4/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(°)
30.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
31.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
32.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
33.	Hàm lượng Bari (Ba)/Barium (Ba) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,01	1,3
34.	Hàm lượng Antimon (Sb)/Antimony (Sb) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,02
35.	Hàm lượng Florua (F-)/Fluoride content	SMEWW 4500 (F-)- D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
36.	Hàm lượng Cyanua tổng/Total cyanide content	SMEWW 4500-CN— E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
37.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
39.	Atrazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
40.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
41.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
42.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
43.	DDT /DDT(###)	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
45.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/1

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026

Trang/ Page : 5/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(%)
46.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
47.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
48.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
49.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
50.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
51.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
52.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
53.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
54.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
55.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
56.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
57.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
58.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
59.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
60.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
61.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bạc Liêu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Cà Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/1

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 6/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01- 1:2024/BYT ^(#)
62.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
63.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
64.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
65.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
66.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
67.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
68.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
69.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
70.	Hexachlorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
71.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
72.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
74.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
75.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
76.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
77.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/1

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 7/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(%)
78.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
79.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
80.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
81.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
82.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
83.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
85.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
86.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
87.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
88.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
89.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9
90.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
91.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
92.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bạc Liêu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-00271

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 8/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(®)
93.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
94.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD=20	3000
95.	Bromate (BrO ₃ ⁻)	HD.TN.406: 2023 (LC-MS/MS)(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
96.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD = 0,07	0,3
97.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD=100	500
98.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,02	0,1
99.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,3	1,0

Ghi chú/ Remark(s):

(#) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn;

(##) Hàm lượng Amoni (NH₃ và NH₄⁺ tính theo N);

(###) Tổng của p,p'-DDT; o,p'-DDT; p,p'-DDE và p,p'-DDD.

- Kết quả clo dư đo tại hiện trường do khách hàng cung cấp: 0,66 mg/l;

- Kết quả pH đo tại hiện trường do khách hàng cung cấp: 6,82.

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bạc Liêu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/2

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 1/8

Tên khách hàng/ Company⁽¹⁾:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ/ Address⁽¹⁾:

Số 216 Nguyễn văn Linh, Khu phố Tân Phú 1, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: 01/07/2026

Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 01/07/2026 đến 17/07/2026

Tên mẫu/ Sample Name⁽¹⁾:

1. Tên Mẫu : Nước sau xử lý - Nhà máy Phước Long
2. Vị trí lấy mẫu: Mạng lưới cấp nước (Số 257, đường Trần Hưng Đạo, KP Long Thủy 4, Phường Phước Long, TP Đồng Nai)
3. Thời gian lấy mẫu: 29/6/2026
4. Người lấy mẫu: Trương Xuân Sơn
5. Clo: 0.51 (mg/l)
6. pH: 6.9

Mô tả mẫu/ Sample description:

Mẫu chứa trong can nhựa/ Sample in plastic cans + Mẫu đựng trong chai thủy tinh/ Samples in glass bottles

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS

[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp/ ⁽¹⁾ Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS
Tổng giám đốc
General Director
Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/ Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260704-002/2

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 2/8

Kết quả/ result

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(%)
1.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
5.	Mùi/Odor	TCVN 2653:1978(s)	-	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ
6.	pH/pH Value	TCVN 6492: 2011(a)	-	7,34	-	6,0-8,5
7.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	TCVN 6186:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,5	2
8.	Hàm lượng Nitrit/Nitrite content	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
9.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
10.	Độ cứng/Hardness	SMEWW 2340C:2023(a)	mgCaCO ₃ /l	20,4	-	300
11.	Độ đục/Turbidity	SMEWW 2130B:2023(a)	NTU	KPH/ND	0,5	2
12.	Độ màu/Color	SMEWW 2120 C:2023(a)	TCU	KPH/ND	6	15
13.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	39	-	1000

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/2

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 3/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(##)
14.	Hàm lượng Nitơ amoniac /Nitrogen ammonia content(##)	SMEWW 4500-NH3-C:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1
15.	Hàm lượng Clorua/Chloride content	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	5,45	-	250 (hoặc 300)
16.	Hàm lượng Clo dư/Free chlorine content	SMEWW 4500-Cl2-B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	0,2 - 1,0
17.	Hàm lượng sunphat (SO ₄ ²⁻) /Sulfate content	SMEWW 2- 4500 (SO ₄) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
18.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	2,22	-	200
19.	Hàm lượng Crom (Cr)/Chromium (Cr) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
20.	Hàm lượng Boron (B)/Boron (B) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,006	2,4
21.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
22.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
23.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
24.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
25.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
26.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
27.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
28.	Hàm lượng Selen (Se)/Selenium (Se) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
29.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Cần Thơ Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bạc Liêu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/2

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 4/8

TT No.	Chi tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT ^(#)
30.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
31.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
32.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
33.	Hàm lượng Bari (Ba)/Barium (Ba) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,01	1,3
34.	Hàm lượng Antimon (Sb)/Antimony (Sb) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,02
35.	Hàm lượng Florua (F-)/Fluoride content	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
36.	Hàm lượng Cyanua tổng/Total cyanide content	SMEWW 4500-CN—E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
37.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
39.	Atrazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
40.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
41.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
42.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
43.	DDT /DDT(###)	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
45.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/2

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 5/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01- 1:2024/BYT(%)
46.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
47.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
48.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
49.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
50.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
51.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
52.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
53.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
54.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
55.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
56.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
57.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
58.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
59.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
60.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
61.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-00219

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 6/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01- 1:2024/BYT(®)
62.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
63.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
64.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
65.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
66.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
67.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
68.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
69.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
70.	Hexachlorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
71.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
72.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
74.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
75.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
76.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
77.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bạc Liêu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Cà Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/2

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 7/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(%)
78.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
79.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
80.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
81.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
82.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
83.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
85.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
86.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
87.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
88.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
89.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9
90.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
91.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
92.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/2

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 8/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(®)
93.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
94.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD=20	3000
95.	Bromate (BrO ₃ ⁻)	HD.TN.406: 2023 (LC-MS/MS)(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
96.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD = 0,07	0,3
97.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD=100	500
98.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,02	0,1
99.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,3	1,0

Ghi chú/ Remark(s):

(#) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn;

(##) Hàm lượng Amoni (NH₃ và NH₄⁺ tính theo N);

(###) Tổng của p,p'-DDT; o,p'-DDT; p,p'-DDE và p,p'-DDD.

- Kết quả clo dư đo tại hiện trường do khách hàng cung cấp: 0,51 mg/l;

- Kết quả pH đo tại hiện trường do khách hàng cung cấp: 6,9.

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bạc Liêu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Cà Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/3

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026

Trang/ Page : 1/8

Tên khách hàng/ Company⁽¹⁾:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ/ Address⁽¹⁾:

Số 216 Nguyễn văn Linh, Khu phố Tân Phú 1, phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: 01/07/2026

Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 01/07/2026 đến 17/07/2026

Tên mẫu/ Sample Name⁽¹⁾:

1. Tên Mẫu : Nước sau xử lý - Nhà máy Phước Long
2. Vị trí lấy mẫu: Cuối mạng lưới cấp nước (Số 68, đường 3/2, KP Long Phước 9, P. Phước Bình, TP Đồng Nai) 3. Thời gian lấy mẫu: 29/6/2026
4. Người lấy mẫu: Trương Xuân Sơn
5. Clo: 047 (mg/l)
6. pH: 6.95

Mô tả mẫu/ Sample description:

Mẫu chứa trong can nhựa/ Sample in plastic cans + Mẫu đựng trong chai thủy tinh/ Samples in glass bottles

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS

[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp/ ⁽¹⁾ Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

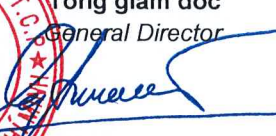
Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory



Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director



Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/3

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 2/8

Kết quả/ result

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(%)
1.	Định lượng Coliforms/Enumeration of Coliforms	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
2.	Định lượng Escherichia coli/Enumeration of Escherichia coli	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
3.	Định lượng Staphylococcus aureus/Enumeration of Staphylococcus aureus	SMEWW 9213B:2023(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
4.	Định lượng Pseudomonas aeruginosa/Enumeration of Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)(a)	CFU/100ml	<1	-	<1
5.	Mùi/Odor	TCVN 2653:1978(s)	-	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ
6.	pH/pH Value	TCVN 6492: 2011(a)	-	7,36	-	6,0-8,5
7.	Chỉ số Pecmanganat/Permanganate index	TCVN 6186:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,5	2
8.	Hàm lượng Nitrit/Nitrite content	TCVN 6178:1996(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,9
9.	Hàm lượng Sunfua/Sulfide content	TCVN 6637:2000(a)	mg/L	KPH/ND	0,03	0,05
10.	Độ cứng/Hardness	SMEWW 2340C:2023(a)	mgCaCO ₃ /l	19,6	-	300
11.	Độ đục/Turbidity	SMEWW 2130B:2023(a)	NTU	KPH/ND	0,5	2
12.	Độ màu/Color	SMEWW 2120 C:2023(a)	TCU	KPH/ND	6	15
13.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)/Total Dissolved Solids	SMEWW 2540C:2023(a)	mg/L	39	-	1000

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/3

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026

Trang/ Page : 3/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(##)
14.	Hàm lượng Nitơ amoniac /Nitrogen ammonia content(##)	SMEWW 4500-NH3-C:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1
15.	Hàm lượng Clorua/Chloride content	SMEWW 4500- Cl B:2023(a)	mg/L	8,51	-	250 (hoặc 300)
16.	Hàm lượng Clo dư/Free chlorine content	SMEWW 4500-Cl2-B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	0,2 - 1,0
17.	Hàm lượng sunphat (SO ₄ ²⁻)/Sulfate content	SMEWW 2- 4500 (SO ₄) - E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	12,5	250
18.	Hàm lượng Natri (Na)/Sodium (Na) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	2,15	-	200
19.	Hàm lượng Crom (Cr)/Chromium (Cr) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,05
20.	Hàm lượng Boron (B)/Boron (B) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,006	2,4
21.	Hàm lượng Đồng (Cu)/Copper (Cu) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	1
22.	Hàm lượng Kẽm (Zn)/Zinc (Zn) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	2
23.	Hàm lượng Mangan (Mn)/Manganese (Mn) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,05	0,1
24.	Hàm lượng Niken (Ni)/Nickel (Ni) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,07
25.	Hàm lượng Nitrat/Nitrate content	SMEWW 4500-NO3.E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,1	11
26.	Hàm lượng Nhôm (Al)/Aluminum (Al) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,07	0,2
27.	Hàm lượng Sắt (Fe)/Iron (Fe) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3111B:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,2	0,3
28.	Hàm lượng Selen (Se)/Selenium (Se) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,04
29.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Xuyen Ward, Can Tho City

Bạc Liêu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/ No.: VLAB0-260701-0023

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 4/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT ^(#)
30.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,003	0,01
31.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,003
32.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,0003	0,001
33.	Hàm lượng Bari (Ba)/Barium (Ba) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,01	1,3
34.	Hàm lượng Antimon (Sb)/Antimony (Sb) content	SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a)	mg/L	KPH/ND	0,001	0,02
35.	Hàm lượng Florua (F-)/Fluoride content	SMEWW 4500 (F-)-D:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,3	1,5
36.	Hàm lượng Cyanua tổng/Total cyanide content	SMEWW 4500-CN—E:2023(a)	mg/L	KPH/ND	0,01	0,05
37.	Pendimethalin	VLAB-CH-TP-614(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
38.	Alachlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
39.	Atrazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
40.	Chlordane	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	0,2	0,2
41.	Chlorotoluron	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
42.	Chlorpyrifos	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
43.	DDT /DDT(###)	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	1	1
44.	Methoxychlor	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
45.	Molinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	6	6

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/3

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 5/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(%)
46.	Permethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
47.	Propanil	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
48.	Simazine	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)	µg/L	KPH/ND	2	2
49.	Trifluralin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
50.	Acrylamide	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,5
51.	Epichlorohydrin	VLAB-CH-TP-636	µg/L	KPH/ND	0,4	0,4
52.	2,4,6-Trichlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	200
53.	Pentachlorophenol	VLAB-CH-TP-638(a)	µg/L	KPH/ND	0,3	9
54.	1,1,1-Trichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	2000
55.	1,2-Dibromo-3-Chloropropane	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
56.	1,2-Dicloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	50
57.	1,2-Dichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	1000
58.	1,2-Dichloroethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
59.	1,2-Dichloropropane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
60.	1,3-Dichloropropene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
61.	Benzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	10

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/ No.: VLAB0-260701-00246

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 6/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(®)
62.	Bromodichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	60
63.	Bromoform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
64.	Chloroform	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
65.	Dibromoacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	70
66.	Dibromochloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
67.	Dichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
68.	Dichloromethane	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
69.	Ethylbenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	300
70.	Hexachlorobutadiene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
71.	Monochlorobenzene	VLAB-CH-TP-639 (a)	µg/L	KPH/ND	10	300
72.	Styrene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
73.	Tetrachlorocarbon	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	2	2
74.	Tetrachloroethene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	40
75.	Toluene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	700
76.	Trichloroacetonitrile	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	1	1
77.	Trichloroethene	VLAB-CH-TP-639	µg/L	KPH/ND	8	8

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bạc Liêu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/3

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 7/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT(#)
78.	Xylene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	500
79.	Trichlorobenzene	VLAB-CH-TP-639(a)	µg/L	KPH/ND	10	20
80.	2,4 DB	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	90
81.	Dichloprop	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	100
82.	Fenoprop	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	9	9
83.	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	VLAB-CH-TP-660	µg/L	KPH/ND	2	2
84.	2,4-D	VLAB-CH-TP-660(a)	µg/L	KPH/ND	10	30
85.	Aldicarb	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
86.	Carbofuran	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	5	5
87.	Cyanazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	0,6	0,6
88.	Hydroxyatrazine	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)	µg/L	KPH/ND	10	200
89.	Isoproturon	VLAB-CH-TP-674	µg/L	KPH/ND	9	9
90.	Mecoprop	VLAB-CH-TP-674 (Ref: AOAC 2007.01, BS EN 15662:2008)(a)	µg/L	KPH/ND	10	10
91.	Dichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	50
92.	Monochloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	20

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260701-002/3

Ngày phát hành/ Issue date : 18/07/2026
Trang/ Page : 8/8

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ	QCVN 01-1:2024/BYT ^(#)
93.	Trichloroacetic acid	VLAB-CH-TP-702(a)	µg/L	KPH/ND	5	200
94.	Monochloramine	TCVN 6225-2:2021(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD=20	3000
95.	Bromate (BrO ₃ ⁻)	HD.TN.406: 2023 (LC-MS/MS)(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD = 1,5	10
96.	Vinyl clorua/Vinyl chloride	US EPA 8260D(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD = 0.07	0,3
97.	Formaldehyde	QUATEST3 1225:2024(a),(s)	µg/L	KPH/ND	LOD=100	500
98.	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha	TCVN 6053:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,02	0,1
99.	Tổng hoạt độ phóng xạ beta	TCVN 6219:2011(s)	Bq/L	KPH/ND	LOD = 0,3	1,0

Ghi chú/ Remark(s):

(#) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn;

(##) Hàm lượng Amoni (NH₃ và NH₄⁺ tính theo N);

(###) Tổng của p,p'-DDT; o,p'-DDT; p,p'-DDE và p,p'-DDD.

- Kết quả clo dư đo tại hiện trường do khách hàng cung cấp: 0,47 mg/l;

- Kết quả pH đo tại hiện trường do khách hàng cung cấp: 6,95.

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province